

Số: 76/KL-TTT

Hưng Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty TNHH công nghiệp Quang Nam, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
(Thời kỳ thanh tra từ năm 2020 – 2023)

Thực hiện Quyết định số 141/QĐ-TTT ngày 05/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh Hưng Yên: Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (Thời kỳ thanh tra từ năm 2020 đến hết năm 2023). Từ ngày 19/9/2024 đến ngày 24/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 01/11/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra. Chánh thanh tra tỉnh kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam có trụ sở tại thôn Ao, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 01/02/2005; thay đổi lần thứ 5 ngày 09/01/2024 (Mã số doanh nghiệp 0900239351). Ngành nghề kinh doanh chính: cơ khí chế tạo máy; sản xuất các sản phẩm từ nhựa.

Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung; Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12; Hình thức kê khai nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ; Đăng ký, kê khai, nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Hưng Yên; Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD: 21.000.000.000 đồng; Mã số thuế: 0900239351.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do đơn vị cung cấp: Năm 2021, Thanh tra tỉnh Hưng Yên thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế, môi trường, sử dụng năng lượng, hóa chất tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam thời kỳ thanh tra năm 2018-2020 (theo Quyết định số 79/QĐ-TTT ngày 06/7/2021 và đã có Kết luận thanh tra số 46/KL-TTT ngày 07/10/2021). Vì vậy, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, thuế tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam từ năm 2021-2023. Kết quả thanh tra cụ thể như sau:

1. Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp NSNN

1.1. Việc chấp hành pháp luật về lệ phí Môn bài

Đơn vị chấp hành nộp lệ phí môn bài đầy đủ theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn về Lệ phí môn bài. Tổng số lệ phí Môn bài Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam đã nộp trong 03 năm từ 2021-2023 là 6.000.000 đồng (*năm 2021: 2.000.000 đồng; năm 2022: 2.000.000 đồng; năm 2023: 2.000.000 đồng*).

1.2. Việc chấp hành pháp luật về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam năm 2021 - 2023 thấy: hàng năm, đơn vị đã chấp hành Luật thuế GTGT, việc kê khai thuế GTGT hàng tháng được đơn vị thực hiện cơ bản đúng về thời gian; đầy đủ, đúng các chỉ tiêu số liệu theo mẫu biểu quy định. Số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm 2024 là 523.322.427 đồng. Tuy nhiên, năm 2022 đơn vị kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào một số hóa đơn hàng hóa, dịch vụ không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 14 Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng dẫn đến số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm 2024 giảm 5.471.759 đồng.

1.3. Việc chấp hành pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Căn cứ hồ sơ, tài liệu do đơn vị cung cấp thấy: Công ty chấp hành các quy định của Luật thuế TNDN như nộp tờ khai quyết toán thuế và báo cáo tài chính cho cơ quan thuế đầy đủ theo quy định. Tổng số thuế TNDN đơn vị kê khai, quyết toán và nộp NSNN từ năm 2021-2023 là 274.069.390 đồng (*năm 2021: 55.336.766 đồng; năm 2022: 142.550.419 đồng; năm 2023: 76.182.205 đồng*). Tuy nhiên, qua thanh tra Đoàn thanh tra tính tăng số thuế TNDN phải nộp ngân sách Nhà nước so với báo cáo quyết toán năm 2022 của đơn vị là 19.996.112 đồng; nguyên nhân do đơn vị hạch toán vào chi phí khi tính thuế TNDN một số khoản chi không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh là chưa đảm bảo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Văn bản hợp nhất số 66/VBHN-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4. Việc chấp hành pháp luật về Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Thời kỳ thanh tra từ năm 2019-2022: Đơn vị thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN theo quy định, hồ sơ lưu trữ đầy đủ, hồ sơ giảm trừ gia cảnh

cho các đối tượng đảm bảo theo quy định. Tổng số thuế TNCN đơn vị đã thực hiện khấu trừ và nộp thay cho cá nhân năm 2021-2023 là 25.267.282 đồng (*năm 2021: 0 đồng; năm 2022: 10.718.589 đồng; năm 2023: 14.548.693 đồng*). Qua thanh tra chưa phát hiện tồn tại, vi phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN.

1.5. Việc chấp hành pháp luật về Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đơn vị chấp hành pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 10/VBHN ngày 15/5/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đơn vị phải nộp vào Ngân sách nhà nước từ năm 2021-2023 là 20.469.600 đồng (*năm 2021: 5.117.400 đồng; năm 2022: 7.676.100 đồng; năm 2023: 7.676.100 đồng*). Đơn vị đã nộp đủ vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

1.6. Về tiền thuê đất

Ngày 28/12/2023, Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam ký Hợp đồng thuê đất số 193/HĐ-TĐ với Sở Tài nguyên và Môi trường với diện tích đất thuê là 17.058 m² tại xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy chế tạo máy và khuôn mẫu; thời hạn thuê đất 50 năm kể từ ngày 02/3/2005; đơn giá thuê đất 12.000 đồng/m²/năm, giá thuê đất có thời gian ổn định 05 năm kể từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019, đơn giá thuê đất 15.000 đồng/m²/năm, giá thuê đất có thời gian ổn định 05 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024, phương thức trả tiền thuê đất hàng năm.

Căn cứ các Thông báo của Chi cục thuế khu vực Mỹ Hào - Văn Lâm: Tổng số tiền thuê đất đơn vị phải nộp trong 03 năm 2021-2023 là 767.610.000 đồng (*năm 2021 là 255.870.000 đồng; năm 2022 là 255.870.000 đồng; năm 2023 là 255.870.000 đồng*); tổng số tiền thuê đất Công ty được miễn giảm theo quy định tại Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ là 153.522.000 đồng (*năm 2022: 76.761.000 đồng; năm 2023: 76.761.000 đồng*); tổng số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước trong 03 năm từ 2021 - 2023 là 614.088.000 đồng (*năm 2021 là 255.870.000 đồng; năm 2022 là 179.109.000 đồng; năm 2023 là 179.109.000 đồng*). Qua kiểm tra thấy, Công ty đã nộp đủ tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật về môi trường

2.1. Việc lập và thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường

Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường dự án Nhà máy chế tạo máy và khuôn mẫu và được UBND huyện Văn Lâm cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường số 08/XN-P.TNMT ngày 17/3/2009. Thời điểm hiện tại, Công ty đang phối hợp với đơn vị tư vấn lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép

môi trường đối với dự chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Tổ kiểm tra trước khi trình UBND huyện Văn Lâm phê duyệt theo quy định (*Công văn số 213/UBND-TNMT ngày 06/3/2024 của UBND huyện Văn Lâm về việc hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép môi trường*).

Thời kỳ thanh tra (từ năm 2021-2023): Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 33.000097.T, cấp lần đầu ngày 03/6/2010. Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1484/GP-UBND ngày 29/6/2021 với lưu lượng khai thác $21\text{m}^3/\text{ngàyđêm}$, thời hạn khai thác nước 03 năm; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn điều chỉnh lần 01) số 2342/GP-UBND ngày 08/10/2024 với lưu lượng xả nước thải lớn nhất $09\text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$. Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 06 tháng/lần; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan có chức năng theo quy định. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý nước thải; công trình thu gom, xử lý khí thải; áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn theo Giấy phép môi trường đề nghị UBND huyện Văn Lâm cấp phép.

2.2. Việc thu gom nước mưa; thu gom, xử lý nước thải

- Về thu gom nước mưa: Công ty đã đầu tư mạng lưới thu gom riêng biệt nước mưa.

- Về quản lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt:

Trong quá trình hoạt động sản xuất: Công ty không phát sinh nước thải sản xuất (Công ty đã đầu tư hệ thống tuần hoàn nước làm mát máy móc thiết bị, không xả thải ra môi trường). Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ khu văn phòng, nhà xưởng, khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải nhà bếp phát sinh được xử lý sơ bộ qua song chắn rác, bể tách dầu mỡ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $10\text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$ để xử lý đảm bảo đạt QCVN 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$ và $K_{hy}=0,85$) thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên địa bàn thôn Ao, xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2.3. Việc thu gom, quản lý, xử lý chất thải rắn

- Trong quá trình đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ công nhân viên của Công ty với khối lượng khoảng 6.000 kg/năm , đơn vị đã bố trí thiết bị lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt bằng thiết bị lưu giữ phù hợp sau đó được lưu giữ tại khu lưu giữ có diện tích khoảng 06 m^2 , khu lưu giữ có kết cấu tường xây và khung thép tôn ngăn các khu, mái hệ khung thép, xà gồ, lợp tôn sóng công nghiệp không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty gồm bì cứng thải bằng nhựa, kim loại, gỗ, palet, ... với khối lượng khoảng 15.600 kg/năm . Công ty đã bố trí thiết bị lưu giữ tạm thời chất thải rắn công

nghiệp thông thường bằng thiết bị lưu giữ phù hợp sau đó được lưu giữ tại khu lưu giữ có diện tích khoảng 15 m²; khu lưu giữ có kết cấu tường xây và khung thép tôn ngăn các khu, mái hệ khung thép, xà gỗ, lợp tôn sóng công nghiệp không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh gồm bóng đèn huỳnh quang, mực in, giẻ lau dính dầu mỡ, đầu mẫu que hàn, ... với khối lượng khoảng 420 kg/năm; Công ty đã bố trí các thiết bị lưu giữ CTNH phù hợp sau đó CTNH được lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ có diện tích khoảng 16 m²; khu lưu giữ CTNH kết cấu tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

- Biện pháp xử lý chất thải:

Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với các Công ty có đăng ký ngành nghề, đảm bảo điều kiện chức năng xử lý (*Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11 và Công ty cổ phần môi trường và công nghiệp T&T (Hợp đồng số 1403/2023/HĐCN ngày 14/3/2023 giữa Công ty và Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11 và Công ty cổ phần môi trường và công nghiệp T&T).*

2.4. Việc thu gom, xử lý khí thải, bụi

Căn cứ Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án của Công ty đề nghị UBND huyện Văn Lâm thẩm định, cấp phép: Công ty phát sinh tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất của 02 dòng thải: 48.000 m³/giờ. Công ty đã đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình nạp liệu, phối trộn; từ quá trình sơn đảm bảo bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B; K_p, K_v theo quy định); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Công ty báo cáo đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định.

2.5. Kết quả kiểm tra hiện trạng

Thời điểm kiểm tra hiện trạng (20/10/2024): khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, Công ty chưa có rãnh thu, hồ gas; chưa bố trí vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý bụi, khí thải chưa gắn đầy đủ biển tên công trình, biển tên các hạng mục công trình xử nước thải sinh hoạt; công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải tại dự án.

Sau khi Đoàn thanh tra nhắc nhở đối với Công ty về các tồn tại nêu trên, Công ty đã kịp thời khắc phục các tồn tại theo ý kiến của Đoàn thanh tra chỉ ra.

III. KẾT LUẬN

1. Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp NSNN

- Việc chấp hành pháp luật về lệ phí Môn bài

Công ty đã thực hiện nộp đủ lệ phí Môn bài vào ngân sách nhà nước trong 03 năm từ năm 2021-2023 là 6.000.000 đồng.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT

Qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam từ năm 2021 - 2023 thấy: việc kê khai thuế GTGT được thực hiện đảm bảo về thời gian, đầy đủ, đúng các chỉ tiêu số liệu theo mẫu biểu quy định; Số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm 2024 là 523.322.427 đồng. Tuy nhiên, năm 2022 còn tồn tại do đơn vị kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào một số hóa đơn hàng hóa, dịch vụ không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 14 Văn bản hợp nhất số 21/VBHN-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính dẫn đến Đoàn thanh tra tính giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang năm 2024 là 5.471.759 đồng.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế TNDN

Tổng số thuế TNDN đơn vị kê khai, quyết toán và nộp NSNN từ năm 2021-2023 là 274.069.390 đồng (năm 2021: 55.336.766 đồng; năm 2022: 142.550.419 đồng; năm 2023: 76.182.205 đồng). Tuy nhiên, qua kiểm tra Đoàn thanh tra tính tăng số thuế TNDN phải nộp ngân sách Nhà nước so với báo cáo quyết toán năm 2022 của đơn vị là 19.996.112 đồng; nguyên nhân do đơn vị hạch toán vào chi phí khi tính thuế TNDN khoản chi không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị là chưa đảm bảo quy định.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN

Thời kỳ thanh tra từ năm 2021-2023: Đơn vị thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN đảm bảo theo quy định. Qua thanh tra chưa phát hiện sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN.

- Việc chấp hành pháp luật về Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Đơn vị chấp hành pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đơn vị đã nộp vào ngân sách nhà nước từ năm 2021-2023 là 20.469.600 đồng (năm 2021: 5.117.400 đồng; năm 2022: 7.676.100 đồng; năm 2023: 7.676.100 đồng).

- Về tiền thuê đất: Tổng số tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước trong 03 năm từ 2021 - 2023 là 614.088.000 đồng (năm 2021 là 255.870.000 đồng; năm 2022 là 179.109.000 đồng; năm 2023 là 179.109.000 đồng). Qua kiểm tra thấy, Công ty đã nộp đủ tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật về môi trường

- Việc lập và thực hiện các thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường

Thời kỳ thanh tra (từ năm 2021-2023): Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 33.000097.T, cấp lần đầu ngày 03/6/2010. Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1484/GP-UBND ngày 29/6/2021 với lưu lượng khai thác $21\text{m}^3/\text{ngàyđêm}$, thời hạn khai thác nước 03 năm; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn điều chỉnh lần 01) số 2342/GP-UBND ngày 08/10/2024 với lưu lượng xả nước thải lớn nhất $09\text{m}^3/\text{ngàyđêm}$. Công ty đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ với tần suất 06 tháng/lần; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan có chức năng theo quy định. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý nước thải; công trình thu gom, xử lý khí thải; áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn theo Giấy phép môi trường đang đề nghị UBND huyện Văn Lâm thẩm định, cấp phép.

- Các loại chất thải, nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và biện pháp thu gom, xử lý

Trong quá trình đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty có phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đã được dán cảnh báo và có khu lưu giữ theo quy định; Công ty đã có biện pháp xử lý ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với các Công ty có đăng ký ngành nghề, đảm bảo điều kiện chức năng xử lý (Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11 và Công ty cổ phần môi trường và công nghiệp T&T (Hợp đồng số 1403/2023/HĐCN ngày 14/3/2023 giữa Công ty và Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – Urenco 11 và Công ty cổ phần môi trường và công nghiệp T&T).

- Việc thu gom, xử lý khí thải, bụi:

Công ty đã đầu tư lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình nạp liệu, phối trộn; từ quá trình sơn đảm bảo bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B; K_p , K_v theo quy định); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Công ty đã thực hiện các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo quy định.

Thời điểm kiểm tra hiện trạng (20/10/2024): khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, Công ty chưa có rãnh thu, hồ gas; chưa bố trí vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng. Tại công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý bụi, khí thải chưa gắn đầy đủ biển tên công trình, biển tên các hạng mục công trình xử lý nước thải sinh hoạt; công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải tại dự án. Sau khi Đoàn thanh tra nhắc nhở, Công ty đã kịp thời khắc phục triệt để các tồn tại Đoàn thanh tra chỉ ra.

IV. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Xử lý về hành chính

1.1. Đề nghị Cục thuế tỉnh

Căn cứ quy định của pháp luật thuế: đề nghị Cục trưởng Cục thuế tỉnh, xem xét xử lý vi phạm đối với những tồn tại trong việc chấp hành pháp luật về thuế phát hiện qua thanh tra tại Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam.

1.2. Đối với Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam

- Đề nghị phát huy những ưu điểm đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế phát hiện qua thanh tra trong việc thực hiện pháp luật về thuế, môi trường tại Công ty. Trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện nghiêm túc việc kê khai, quyết toán và nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thực hiện nộp khoản thuế phát hiện qua thanh tra theo Quyết định của Thanh tra tỉnh. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra trước ngày 19/12/2024.

2. Xử lý về kinh tế

Quyết định thu hồi số tiền thuế TNDN phải nộp ngân sách Nhà nước tăng thêm được phát hiện qua thanh tra do Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam kê khai, quyết toán thuế TNDN năm 2022 chưa chính xác là 19.996.112 đồng. Ngày 04/11/2024, Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam đã thực hiện nộp số tiền trên vào Tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh (số Tài khoản 3949.0.1060137 tại Kho bạc Nhà nước Hưng Yên) để xử lý theo quy định của pháp luật.

Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức công khai kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; tiến hành theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định./.

Nơi nhận: *1402*

- Thanh tra Chính phủ; } (để báo cáo)
- Ủy Ban nhân dân tỉnh; }
- Công ty TNHH Công nghiệp Quang Nam;
- (để thực hiện)
- Sở Tài nguyên và Môi trường; } (để phối hợp)
- Cục thuế tỉnh;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT, HS, GSKT.

CHÁNH THANH TRA



Đào Văn Sơn